

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Phương Dung.
- Ông Hồ Đắc Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 292/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1973; HKTT: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; HKTT: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông T chung sống với nhau từ năm 2023. Hôn nhân giữa bà P và ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/4/2024. Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2023 đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông T bị bệnh tiểu đường nặng và làm nghề tài xế nhưng hay uống rượu, bà P có khuyên ông T bỏ rượu nhiều lần nhưng ông T không nghe dẫn đến hai bên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, ông T có chuyện tiền cho vợ cũ của ông T nhưng ông T không bàn bạc với bà P nên theo bà P thì ông T không thành thật và lừa dối bà P; vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống mệt mỏi, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà P nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, bà P làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông T.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà P và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà P không cung cấp ý kiến gì khác hay tranh chấp gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà P cung cấp*: Đơn xin ly hôn ngày 15/7/2024 của bà P (bản gốc); CCCD của bà P (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai ngày 15/7/2024 của bà P (bản gốc); Đơn xin không hòa giải theo Luật tố tụng dân sự ngày 29/11/2024 của bà P (bản gốc); Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2024 đối với bà P (bản gốc).

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T:**

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật bằng cách niêm yết công khai để báo cho ông T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông T.

*** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương:**

Theo Biên bản xác minh ngày 21/10/2024 và ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với chính quyền địa phương thì ông T hiện có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương; ông T trước đây có vợ và có con nhưng đã ly hôn; năm 2023, ông T kết hôn với bà P; nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P với ông T như thế nào địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà P, bị đơn ông T theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà P khởi kiện ông T về việc tranh chấp ly hôn. Ông T có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà P, bị đơn ông T theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà P:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông T chung sống với nhau từ năm 2023. Hôn nhân giữa bà P và ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/4/2024. Hôn nhân giữa bà P và ông T là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Theo bà P xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2023 đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn lý do: Ông T bị bệnh tiểu đường nặng và làm nghề tài xế nhưng hay uống rượu, bà P có khuyên ông T bỏ rượu nhiều lần nhưng ông T không nghe dẫn đến hai bên xảy ra cãi vã; ngoài ra, ông T có chuyển tiền cho vợ cũ của ông T nhưng ông T không bàn bạc với bà P nên theo bà P thì ông T không thành thật và lừa dối bà P; vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống mệt mỏi, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà P đều này cho thấy ông T không có thiện chí đoàn tụ với bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông T1 không đạt được những điều đó nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Bà P xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp ly hôn” của bà Nguyễn Thị Lan P đối với ông Nguyễn Văn T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Lan P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Lan P xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Lan P không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000564 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng